

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *M9* /HĐND-VP

Hà Giang, ngày *20* tháng 6 năm 2017

V/v tiếp xúc cử tri sau Kỳ họp 4 (CĐ),
trước Kỳ họp 5 và chuẩn bị các nội dung
chất vấn tại Kỳ họp thứ 5 HĐND tỉnh

Kính gửi:

- Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Hà Giang.
- Thường trực HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ
các huyện, thành phố.
- Các vị Đại biểu HĐND tỉnh Khóa XVII.

Thực hiện Điều 94 và điều 96 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Thường trực HĐND tỉnh xây dựng Đề cương tiếp xúc cử tri sau kỳ họp thứ Tư (chuyên đề) và trước kỳ họp thứ Năm – HĐND tỉnh, đề nghị các Tổ đại biểu tổ chức cho Đại biểu HĐND tỉnh tiến hành TXCT và chuẩn bị các nội dung chất vấn tại kỳ họp thứ Năm – HĐND tỉnh như sau:

1. Về tiếp xúc cử tri sau Kỳ họp thứ 4 (chuyên đề) và trước Kỳ họp thứ 5 HĐND tỉnh Khóa XVII.

a) Về nội dung tiếp xúc cử tri:

- Báo cáo với cử tri về kết quả kỳ họp thứ Tư (chuyên đề) và phổ biến một số Nghị quyết có nội dung quan trọng và liên quan trực tiếp đến cử tri.
- Thông báo với cử tri về dự kiến thời gian, địa điểm, nội dung chương trình Kỳ họp thứ Năm – HĐND tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2016- 2021. (*Có đề cương gửi kèm*).

- Tiếp thu, tổng hợp các ý kiến, kiến nghị của cử tri

b) Hình thức Tiếp xúc cử tri:

- Tiếp xúc cử tri theo Hội nghị tại địa bàn ứng cử; ngoài ra các đại biểu có thể thực hiện TXCT tại nơi cư trú theo đề án đổi mới.
- Tiếp xúc cử tri qua mạng internet (*Đại biểu HĐND tỉnh tiếp nhận các ý kiến, kiến nghị của cử tri qua hòm thư điện tử cá nhân của đại biểu*).

c) Thời gian tiếp xúc cử tri: Từ ngày 20/6/2017 đến hết ngày 30/6/2017 (lịch cụ thể do các Tổ đại biểu tự xây dựng, bố trí).

Các tổ đại biểu tổng hợp các ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi về Thường trực HĐND tỉnh, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Hà Giang trước ngày **05/7/2017** để tổng hợp chung.

2. Về chuẩn bị các nội dung chất vấn tại Kỳ họp 5:


Đề chuẩn bị cho phiên chất vấn tại Kỳ họp thứ 5 (truyền hình trực tiếp vào phiên Bế mạc Kỳ họp), thường trực HĐND tỉnh đề nghị:

- Mỗi tổ đại biểu HĐND tỉnh có ít nhất 01 nội dung chất vấn;

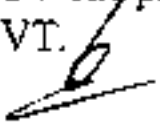
- Nội dung chất vấn: Lựa chọn theo nhóm vấn đề như Nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Văn hóa, giáo dục, y tế; Kế hoạch, tài chính; Xây dựng, giao thông vận tải, tài nguyên môi trường; cải cách thủ tục hành chính; giải quyết việc làm, an sinh xã hội,... những vấn đề còn vướng mắc, tồn tại chưa được xem xét, giải quyết. (Có mẫu phiếu chất vấn kèm theo).

- Các ý kiến chất vấn đề nghị gửi về Thường trực HĐND tỉnh qua Văn phòng HĐND tỉnh trước ngày 05/7/2017 để tổng hợp.

Thường trực HĐND tỉnh đề nghị Thường trực HĐND, UBND, Ủy ban Mặt trận tổ quốc các huyện, thành phố tạo điều kiện thuận lợi để các Tổ đại biểu, đại biểu HĐND tỉnh hoàn thành nhiệm vụ. Văn phòng HĐND tỉnh bố trí kinh phí phục vụ cho các Tổ đại biểu tiếp xúc cử tri theo quy định hiện hành.

Đề nghị các Tổ đại biểu HĐND tỉnh tổ chức thực hiện. 

Nơi nhận:

- TTr Tỉnh ủy (b/c);
 - TTr UBND tỉnh;
 - Như kính gửi (T/hiện);
 - Lãnh đạo Văn phòng HĐND tỉnh;
 - LĐ, CV các phòng CM; TTTT VP;
 - Lưu VT.
- 

TM. THƯỜNG TRỰC HĐND TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Chung Thị Chiên

ĐỀ CƯƠNG TIẾP XÚC CỬ TRI

**Sau Kỳ họp thứ 4 (chuyên đề) và trước Kỳ họp 5 HĐND tỉnh,
Khóa XVII, Nhiệm kỳ 2016 - 2021**

Thực hiện Điều 94 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015. Thường trực HĐND tỉnh xây dựng đề cương đề đại biểu HĐND tỉnh TXCT như sau:

PHẦN I

**KẾT QUẢ KỲ HỌP THỨ 4 (CHUYÊN ĐỀ) - HĐND TỈNH
KHÓA XVII NHIỆM KỲ 2016-2021.**

Kỳ họp thứ 4 (chuyên đề) - HĐND tỉnh Khóa XVII, nhiệm kỳ 2016 – 2021 tiến hành trong 01 ngày (24/4/2017), tại hội trường HĐND - UBND tỉnh. Tổng số đại biểu HĐND tỉnh dự kỳ họp 56/60 đại biểu (*vắng 04 đại biểu có lý do*).

A. NỘI DUNG:

Kỳ họp đã xem xét, thảo luận 02 báo cáo của HĐND tỉnh và 16 tờ trình của UBND tỉnh trình trực tiếp tại kỳ họp; trong đó Kỳ họp xem xét kiện toàn thành viên UBND tỉnh (*miễn nhiệm và bầu bổ sung chức danh Ủy viên UBND tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2016 – 2021*) và xem xét thông qua 14 tờ trình về phí, lệ phí (trong đó, có 7 loại phí; 05 lệ phí) và Quy định, nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2016-2020; thông qua danh mục các công trình, dự án thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất để phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng (*bổ sung đợt 2*) năm 2017 trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

B. CÁC NGHỊ QUYẾT THÔNG QUA TẠI KỲ HỌP:

Kỳ họp đã thảo luận và biểu quyết thông qua 16 nghị quyết, 02 Nghị quyết về công tác cán bộ và 14 nghị quyết chuyên đề cụ thể hóa các quy định của Trung ương về Phí và Lệ phí và quyết định một số nội dung để phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, cụ thể:

I. Nghị quyết về công tác tổ chức cán bộ

1. Nghị quyết về việc miễn nhiệm chức danh Ủy viên UBND tỉnh Hà Giang khoá XVII, nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với ông Đoàn Quốc Việt, nguyên Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, nguyên Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Hà Giang.

2. Nghị quyết về việc xác nhận kết quả bầu cử bổ sung chức danh Ủy viên UBND tỉnh Hà Giang khoá XVII, nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với ông Nguyễn Công Dân, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Hà Giang và ông Nguyễn Đức Vinh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hà Giang.

II. Các nghị quyết chuyên đề (Nhóm các Nghị quyết liên quan trực tiếp đến cư trú)

1. Nghị quyết số 74 Quy định về Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

- *Đối tượng áp dụng:* Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình đăng ký, nộp hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nhu cầu hoặc thẩm định để giao đất, cho thuê đất và đối với trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất.

- *Đối tượng miễn nộp phí:* Hộ nghèo theo chuẩn nghèo do Thủ tướng Chính phủ quy định; Người có công với cách mạng.

- *Nội dung và mức thu:*

(Đơn vị tính: Đồng)

STT	Nội dung thu phí	Mức thu
I	Giao đất, công nhận quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh và trụ sở làm việc	
1	Diện tích từ 1000 m ² trở xuống	200.000
2	Diện tích trên 1.000 đến 10.000 m ²	400.000
3	Diện tích trên 10.000 đến 50.000 m ²	1.000.000
4	Diện tích trên 50.000 đến 150.000 m ²	2.000.000
5	Diện tích trên 150.000 m ²	4.000.000
II	Giao đất, công nhận quyền sử dụng đất ở các hộ gia đình có nhu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đơn lẻ, chuyển quyền sử dụng đất	
1	Đối với các phường của Thành phố Hà Giang, các thị trấn và các xã nơi UBND huyện đóng trụ sở	100.000
2	Đối với khu vực các xã còn lại	70.000
III	Cấp đổi, cấp lại và xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Mức thu được tính như mức thu cấp lần đầu

Nghị quyết này được thông qua có hiệu lực thi hành từ ngày 04/5/2017.

2. Nghị quyết số 76 quy định về Lệ phí đăng ký cư trú và Lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

1. Lệ phí đăng ký cư trú:

- *Đối tượng áp dụng:* Hộ gia đình, cá nhân thực hiện việc đăng ký cư trú theo quy định của pháp luật về cư trú.

- *Đối tượng miễn lệ phí đăng ký cư trú:* Khi đăng ký lần đầu và thay mới hộ khẩu và số tạm trú: Bố, mẹ, vợ (hoặc chồng) của liệt sĩ, con dưới 18 tuổi của liệt sĩ; Thương binh, bệnh binh, con dưới 18 tuổi của thương binh, bệnh binh; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; Công dân thuộc xã ĐBKK theo quyết định của Thủ tướng chính phủ và thôn ĐBKK theo quy định của Ủy ban Dân tộc; công dân thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo về thu nhập do Thủ tướng Chính phủ quy định.

2. Lệ phí cấp giấy chứng minh nhân dân:

- *Đối tượng:* Cá nhân được cơ quan Công an cấp chứng minh nhân dân.

- Đối tượng miễn lệ phí cấp giấy chứng minh nhân dân: Khi cấp lần đầu và thay mới theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: Bố, mẹ, vợ (hoặc chồng) của liệt sĩ, con dưới 18 tuổi của liệt sĩ; Thương binh, bệnh binh, con dưới 18 tuổi của thương binh, bệnh binh; Công dân thuộc xã ĐBKK theo quyết định của Thủ tướng chính phủ và thôn ĐBKK theo quy định của Ủy ban Dân tộc.

3. Mức thu phí:

STT	Nội dung thu phí	Đơn vị tính	Mức thu	
			Đối với phường, thị trấn trung tâm huyện	Đối với các khu vực khác
I	Lệ phí đăng ký cư trú			
1	Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người nhưng không cấp sổ hộ khẩu, sổ tạm trú	đồng/lần/đăng ký	15.000	7.000
2	Cấp mới, cấp lại, cấp đổi sổ hộ khẩu, sổ tạm trú cho hộ gia đình, cho cá nhân	đồng/lần cấp	20.000	10.000
3	Cấp đổi sổ hộ khẩu, sổ tạm trú theo yêu cầu của chủ hộ vì lý do nhà nước thay đổi địa giới hành chính, tên đường phố, số nhà	đồng/lần cấp	10.000	5.000
4	Điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú (không thu lệ phí đối với trường hợp đính chính lại địa chỉ do Nhà nước thay đổi địa giới hành chính, đường phố, số nhà, xóa tên trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú)	đồng/lần/đính chính	8.000	4.000
5	Gia hạn tạm trú	đồng/lần gia hạn	4.000	2.000
II	Lệ phí cấp chứng minh nhân dân			
	Cấp lần đầu, cấp lại, cấp đổi chứng minh nhân dân (không bao gồm tiền ảnh của người được cấp chứng minh nhân dân)	đồng/lần cấp	9.000	4.000

3. Nghị quyết 79 Quy định về Lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:
 - + Liên hiệp hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân: 300.000đồng/01 lần cấp.
 - + Hợp tác xã: 150.000 đồng/01 lần cấp.
 - + Hộ kinh doanh: 100.000 đồng/01 lần cấp.
 - + Chi nhánh, Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Liên hiệp hợp tác xã, Hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân: Mức thu 30.000 đồng/01 lần cấp.
- Lệ phí cấp lại, thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh: 30.000đồng/01 lần cấp.

4. Nghị quyết số 77 Quy định về Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

- a) Đối tượng áp dụng: Các doanh nghiệp cơ quan, tổ chức và cá nhân có sử dụng lao động là người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

b) Nội dung và mức thu:

+ Cấp mới giấy phép lao động: 600.000 đồng/1 giấy phép.

+ Cấp lại giấy phép lao động: 450.000 đồng/1 giấy phép.

5. Nghị quyết số 78 Quy định về Lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

a) Đối tượng áp dụng: Các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân đề nghị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng.

b) Nội dung và mức thu:

- Cấp phép xây dựng nhà ở riêng lẻ của nhân dân (thuộc đối tượng phải có giấy phép): 75.000 đồng/1 giấy phép;

- Cấp phép xây dựng các công trình khác: 150.000 đồng/1 giấy phép;

- Gia hạn giấy phép xây dựng: 15.000 đồng/1 giấy phép.

6. Nghị quyết số 72 Quy định về Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

a) Đối tượng áp dụng: Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết các công việc liên quan đến cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất.

b) Đối tượng miễn nộp lệ phí: Hộ gia đình, cá nhân cư trú ở nông thôn thuộc hộ nghèo theo tiêu chuẩn nghèo do Thủ tướng Chính phủ quy định.

c) Mức thu:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu lệ phí		
			Hộ gia đình, cá nhân tại phường thuộc TPHG	Hộ gia đình, cá nhân tại các khu vực khác	Các tổ chức
I	Cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất				
1	Cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất	đồng/1 giấy	120.000	60.000	600.000
2	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (không có nhà ở và tài sản gắn liền với đất)	đồng/1 giấy	30.000	15.000	150.000
3	Cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất	đồng/1 giấy	90.000	40.000	450.000
II	Cấp lại, cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận	đồng/1 giấy	Bằng 50% mức lệ phí cấp mới		Bằng 10% mức lệ phí cấp mới
IV	Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai	đồng/lần	30.000	15.000	40.000
V	Trích lục bản đồ địa chính, VB, số liệu hồ sơ địa chính	đồng/lần	20.000	10.000	40.000

7. Nghị quyết số 69 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2016 - 2020.

8. Nghị quyết số 70 Quy định về Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

9. Nghị quyết số 71 Quy định mức thu Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

10. Nghị quyết số 73 Quy định về Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

11. Nghị quyết số 75 thông qua Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất (bổ sung đợt 2) năm 2017 trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

12. Nghị quyết số 81 Quy định về Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; Phí đăng ký giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

13. Nghị quyết số 80 Quy định về Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất; Phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt; Phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

14. Nghị quyết số 82 Quy định về Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Các Nghị quyết nêu trên có hiệu lực thi hành từ ngày 04/5/2017 và đã được đăng tải trên Trang thông tin điện tử Đại biểu nhân dân Hà Giang, được in, đóng quyển và gửi cho các xã, phường, thị trấn trên toàn tỉnh.

PHẦN II

DỰ KIẾN THỜI GIAN, CHƯƠNG TRÌNH KỶ HỌP THỨ 5 HỘIND TỈNH HÀ GIANG, KHÓA XVII, NHIỆM KỶ 2016 – 2021.

A. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM, THÀNH PHẦN DỰ KỶ HỌP.

1. Thời gian tiến hành kỳ họp:

Dự kiến trong 03 ngày (ngày 12-14/7/2017), trong đó có 02 phiên họp được truyền hình trực tiếp trên sóng HGTV (Đài phát thanh Truyền hình tỉnh Hà Giang), bao gồm:

- Phiên khai mạc buổi sáng ngày 12/7/2017;
- Phiên chất vấn, trả lời chất vấn và bế mạc kỳ họp sáng ngày 14/7/2017.

2. Địa điểm: Tại Hội trường lớn HĐND - UBND tỉnh Hà Giang.

3. Thành phần mời dự kỳ họp:

Thực hiện theo Điều 81 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Ngoài ra, kỳ họp còn mời: các đồng chí nguyên lãnh đạo tỉnh qua các thời kỳ (*dự phiên khai mạc, bế mạc kỳ họp*). Các Hội đặc thù cấp tỉnh; Thường trực HĐND, UBND cấp huyện, thành phố; Lãnh đạo các Ban HĐND chuyên trách cấp huyện, thành phố;

B. DỰ KIẾN CHƯƠNG TRÌNH KỲ HỌP: Kỳ họp sẽ xem xét và quyết định các vấn đề sau:

I. Các Báo cáo trình tại Kỳ họp: gồm 23 báo cáo (*trong đó, gồm: 09 báo cáo UBND tỉnh; 03 báo cáo của cơ quan tư pháp; 03 báo cáo của Thường trực HĐND tỉnh; 08 báo cáo của các Ban HĐND tỉnh*); (có danh mục các báo cáo kèm theo). Kết quả xem xét các báo cáo trên sẽ được Đại biểu HĐND tỉnh báo cáo kết quả với cử tri sau khi kết thúc Kỳ họp thứ 5- HĐND tỉnh.

II. Các tờ trình kèm dự thảo Nghị quyết của HĐND và UBND tỉnh: dự kiến trình tại Kỳ họp, gồm 14 tờ trình; trong đó UBND tỉnh dự kiến trình 12 tờ trình kèm dự thảo Nghị quyết; HĐND tỉnh trình 02 tờ trình kèm dự thảo Nghị quyết. Cụ thể:

1. Tờ trình kèm dự thảo Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 209/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của HĐND tỉnh Ban hành chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Ngày 10/12/2015 HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết 209/2015 về chính sách khuyến khích phát triển sản xuất hàng hóa trên địa bàn tỉnh Hà Giang. Qua hơn một năm thực hiện Nghị quyết, tính đến 20/5/2017 có 15.754 hộ đăng ký, nhu cầu vay vốn là 1.194.204 triệu đồng. Kết quả giải ngân 237.058 triệu đồng cho 2.791 hộ/3.694 hộ đủ điều kiện vay vốn.

Chính sách ban hành đã đi nhanh vào cuộc sống, trúng ý nguyện của người dân, tác động mạnh mẽ đến phát triển nông nghiệp. Để khai thác tối đa tiềm năng, thế mạnh về sản xuất nông lâm nghiệp, UBND tỉnh Hà Giang dự kiến trình HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 209 như sau:

1.1. Về phạm vi điều chỉnh: Áp dụng đối với một số loại cây trồng, vật nuôi hỗ trợ của tỉnh gồm: các cây, con theo đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp; chăn nuôi lợn, gia cầm; cây lâm nghiệp; dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đặc thù; HTX nông lâm nghiệp. (Như vậy là phạm vi điều chỉnh đã được mở rộng hơn so với Nghị quyết 209. Nghị quyết 209 chỉ quy định gồm chè, cam, dược liệu, trâu, bò, ong).

1.2. Đối tượng áp dụng: Bỏ đối tượng vay vốn là Hộ gia đình. (*vì theo Bộ Luật dân sự Hộ gia đình không được là chủ thể để vay vốn ngân hàng*). Như vậy theo dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung chỉ còn các tổ chức và cá nhân.

1.3. Một số nội dung dự kiến sửa đổi như sau:

- Điều chỉnh tiền công cho người dẫn tinh viên làm công tác phối giống bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo cho đại gia súc, mức hỗ trợ từ 0,2 lên mức hỗ trợ 0,4 hệ số lương cơ sở /1 lần kết quả đạt được.

- Hỗ trợ 30% tiền thuê đất trồng vùng nguyên liệu cho các Doanh nghiệp, HTX có diện tích đất đi thuê, thời gian hỗ trợ 60 tháng, đơn giá hỗ trợ theo Quyết định của UBND tỉnh công bố tại thời điểm hỗ trợ.

1.4. Một số nội dung dự kiến bổ sung như sau:

a) *Bổ sung chính sách hỗ trợ lãi suất phát triển chăn nuôi gia trại*

- Hỗ trợ chăn nuôi lợn giống địa phương: Hỗ trợ 100% lãi suất vay vốn cho các tổ chức, cá nhân để mua giống lợn chăn nuôi theo tiêu chuẩn an toàn thực phẩm. Quy mô chăn nuôi đối với cá nhân từ 30 con trở lên; đối với tổ chức từ 100 con trở lên. Mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất tối đa là 1,5 triệu đồng/con, thời gian hỗ trợ lãi suất tối đa là 24 tháng.

- Hỗ trợ chăn nuôi gia cầm giống địa phương: Hỗ trợ 100% lãi suất vay vốn cho các tổ chức, cá nhân mua giống gia cầm chăn nuôi theo tiêu chuẩn an toàn thực phẩm. Quy mô chăn nuôi đối với cá nhân từ 500 con trở lên; đối với tổ chức từ 2.000 con trở lên. Mức hỗ trợ lãi suất tối đa là 15.000 đồng/con giống, thời gian hỗ trợ tối đa là 12 tháng.

- Hỗ trợ chăn nuôi Dê: Hỗ trợ 100% lãi suất vay vốn cho các tổ chức, cá nhân để mua giống dê. Quy mô chăn nuôi cá nhân từ 30 con trở lên; tổ chức từ 50 con trở lên, yêu cầu phải chăn nuôi theo nhóm hộ, tổ hợp tác và HTX. Mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất tối đa là 2 triệu đồng/con, thời gian hỗ trợ lãi suất tối đa là 24 tháng.

- Hỗ trợ làm chuồng trại, xử lý chất thải chăn nuôi: Hỗ trợ 100% lãi suất vay vốn cho các tổ chức, cá nhân xây dựng chuồng trại chăn nuôi lợn, gia cầm; xử lý chất thải theo tiêu chuẩn. Quy mô chăn nuôi được hỗ trợ vay vốn theo từng loại gia súc nêu trên. Mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất tối đa là 3,5 triệu đồng/m², thời gian hỗ trợ 24 tháng.

b) *Bổ sung chính sách hỗ trợ đối với các dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư phát triển các cây, con ngoài chính sách quy định*

- Chính sách hỗ trợ đối với dự án ứng dụng công nghệ cao: Tổ chức, cá nhân đầu tư các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao vào địa bàn tỉnh được hỗ trợ như sau:

+ Được nhà nước giao mặt bằng sạch để triển khai thực hiện dự án theo quy hoạch của tỉnh.

+ Được hỗ trợ 100% lãi suất vay vốn thực hiện dự án; mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất không quá 50% tổng kinh phí dự án đầu tư; thời gian hỗ trợ 36 tháng.

- Chính sách hỗ trợ đối với dự án đầu tư phát triển cây, con ngoài chính sách đã quy định: Tổ chức, cá nhân đầu tư dự án phát triển cây, con ngoài chính sách quy định tại nghị quyết 209/2015/NQ-HĐND và quy định tại Nghị quyết này có quy mô đầu tư 5.000 triệu đồng/dự án trở lên được hỗ trợ lãi suất vay vốn. Hội đồng Nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban Nhân dân tỉnh xem xét quyết định mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ lãi suất cho từng dự án cụ thể và báo cáo kết quả tại kỳ họp HĐND tỉnh hàng năm.

c) Bổ sung chính sách khuyến khích phát triển lâm nghiệp

- Hỗ trợ 3 triệu đồng/ha cho tổ chức, cá nhân chuyển đổi diện tích vườn tạp, rừng tạp sang trồng rừng kinh tế theo quy hoạch của huyện, thành phố; diện tích hỗ trợ theo hạn mức giao đất rừng cho hộ gia đình nhưng tối đa không quá 30 ha. Diện tích chuyển đổi toàn tỉnh không quá 1.000 ha/năm.

- Hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân được giao đất, thuê đất trồng rừng kinh tế bằng giống tốt; mức hỗ trợ trồng rừng bằng giống cây Keo 5 triệu đồng/ha, trồng rừng bằng giống cây gỗ lớn 8 triệu đồng/ha.

d) Bổ sung chính sách hỗ trợ phát triển HTX nông lâm nghiệp

Các hợp tác xã nông lâm nghiệp thành lập mới hoặc đang hoạt động được nhà nước hỗ trợ như sau:

- Trường hợp chưa có đất để xây dựng trụ sở thì được nhà nước giao mặt bằng sạch; diện tích được giao tối thiểu 400m²/HTX nhưng tối đa không quá 1.000m²/HTX.

- Trường hợp chưa có trụ sở làm việc được nhà nước hỗ trợ trực tiếp 100 triệu đồng/HTX để xây dựng trụ sở làm việc.

- Hợp tác xã có nhu cầu vay vốn phát triển sản xuất, kinh doanh phải xây dựng phương án, trường hợp được Ngân hàng thương mại thẩm định đủ điều kiện vay thì được nhà nước hỗ trợ 100% lãi suất vay vốn theo phương án đã được thẩm định; thời gian hỗ trợ 36 tháng.

e) Bổ sung chính sách dồn điền, đổi thửa: Đối với diện tích dồn điền, đổi thửa để thu hút Doanh nghiệp hoặc tổ chức thực hiện liên kết sản xuất hàng hóa được hỗ trợ như sau:

- Hỗ trợ 30 triệu đồng/ha, quy mô được hỗ trợ tối thiểu từ 3 ha trở lên.

- Hỗ trợ 100% lãi suất vay vốn mua máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất với mức tiền vay tối đa là 300 triệu đồng, thời gian hỗ trợ tối đa 36 tháng.

g) Bổ sung xử lý rủi ro: Các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách này khi xảy ra rủi ro do thiên tai, dịch bệnh được hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh và quy định cụ thể hóa của địa phương

Đây là một số nội dung UBND tỉnh dự kiến trình HĐND tỉnh tại Kỳ họp này xem xét bổ sung, sửa đổi.

2. Tờ trình kèm dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng đối với các dự án xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục và y tế trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Theo Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ quy định UBND cấp tỉnh “*Căn cứ vào khả năng của ngân sách địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định cơ chế, mức hỗ trợ kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng đối với các dự án xã hội hóa*”. Nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả các quy định của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế trên địa bàn tỉnh Hà Giang phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương, UBND tỉnh dự kiến trình Kỳ họp HĐND tỉnh như sau:

1. Đối tượng áp dụng

- Các cơ sở giáo dục, y tế ngoài công lập được thành lập và có đủ điều kiện hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa giáo dục, y tế theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Các tổ chức, cá nhân hoạt động theo Luật Doanh nghiệp có các dự án đầu tư, liên doanh, liên kết hoặc thành lập các cơ sở hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa giáo dục, y tế có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Các cơ sở giáo dục, y tế sự nghiệp công lập thực hiện góp vốn, huy động vốn, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật thành lập các cơ sở hạch toán độc lập hoặc doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa giáo dục, y tế theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Mức hỗ trợ: Được hỗ trợ một lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng cho một dự án sau khi dự án hoàn thành đưa vào sử dụng và đảm bảo đúng mục tiêu, nội dung, quy mô của dự án đã được phê duyệt. Mức hỗ trợ cụ thể:

- Cơ sở xã hội hóa y tế được hỗ trợ 30 triệu đồng/giường bệnh

- Cơ sở xã hội hóa giáo dục được hỗ trợ:

+ Không quá 80 triệu đồng/1 phòng học đối với trường mầm non.

+ Không quá 60 triệu đồng/1 phòng học đối với trường tiểu học.

+ Không quá 72 triệu đồng/1 phòng học đối với trường trung học cơ sở, trung học phổ thông.

c) Điều kiện hưởng mức hỗ trợ: Cơ sở giáo dục và y tế phải thuộc danh mục các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn do Thủ tướng Chính phủ quy định.

3. Tờ trình kèm dự thảo Nghị quyết quy định phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố trên địa bàn tỉnh.

4. Tờ trình kèm dự thảo Nghị quyết thông qua Đề án quy tụ các hộ sống rải rác ở các sườn núi cao, vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới về sống tập trung tại các thôn bản gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2017 - 2021.

5. Tờ trình kèm dự thảo Nghị quyết điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020; kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối 2016 - 2020 tỉnh Hà Giang.

6. Tờ trình kèm dự thảo Nghị quyết đề nghị phê duyệt quy hoạch bảo vệ tài nguyên nước tỉnh Hà Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

7. Tờ trình kèm dự thảo Nghị quyết quy định mức trợ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức làm việc tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Hà Giang.

8. Tờ trình kèm dự thảo Nghị quyết quy định về nội dung chi và mức chi đảm bảo hoạt động giám sát, phản biện xã hội của UBMTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

9. Tờ trình kèm dự thảo Nghị quyết quy định về mức chi bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh.

10. Tờ trình kèm dự thảo Nghị quyết quy định mức trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào NSNN trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

11. Tờ trình kèm dự thảo Nghị quyết về việc sửa đổi một số điều của Nghị quyết số 55/2016/NQ-HĐND ngày 11/12/2016 quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

12. Tờ trình kèm dự thảo Nghị quyết về kiện toàn, bổ sung thành viên UBND tỉnh.

13. Tờ trình kèm dự thảo Nghị quyết về ban hành Quy chế hoạt động của HĐND tỉnh Hà Giang khóa XVII, nhiệm kỳ 2016 – 2021.

14. Tờ trình kèm dự thảo Nghị quyết về ban hành chương trình giám sát năm 2018 của HĐND tỉnh Hà Giang.

Nội dung các tờ trình kèm dự thảo Nghị quyết sau khi được Kỳ họp thảo luận xem xét, thông qua sẽ được báo cáo với cử tri sau khi kết thúc Kỳ họp thứ 5 HĐND tỉnh.

III. Kỳ họp nghe Thông báo của Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Hà Giang: Về công tác tham gia xây dựng, củng cố chính quyền 6 tháng đầu năm 2017 và các ý kiến đối với HĐND, UBND tỉnh.

IV. Kỳ họp nghe Đoàn đại biểu Quốc hội khóa XIV tỉnh Hà Giang: Báo cáo kết quả Kỳ họp thứ 3 - Quốc hội khóa XIV.

V. Kỳ họp thảo luận, chất vấn và trả lời chất vấn.

VI. Kỳ họp thứ 5 - HĐND tỉnh khoá XVII dự kiến sẽ thông qua 14 nghị quyết (tương ứng với 02 tờ trình của HĐND tỉnh và 12 tờ trình của UBND tỉnh trình Kỳ họp).

Trên đây là báo cáo kết quả kỳ họp thứ 4 (chuyên đề) - HĐND tỉnh và dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp thứ 5 – HĐND tỉnh khóa XVII. Đề nghị các vị đại biểu HĐND tỉnh tham khảo, lựa chọn nội dung phù hợp khi tiếp xúc, tùy khu vực hoặc đối tượng cử tri, đại biểu HĐND tỉnh chuẩn bị thêm những nội dung, số liệu chi tiết, cụ thể hơn để báo cáo với cử tri./.

DANH MỤC
CÁC BÁO CÁO TRÌNH TẠI KỶ HỌP THỨ 5-HĐND TỈNH

Các Báo cáo trình Kỳ họp: 23 báo cáo (09 báo cáo UBND tỉnh; 03 báo cáo của cơ quan tư pháp; 03 báo cáo của Thường trực HĐND tỉnh; 08 báo cáo của các Ban HĐND tỉnh).

I. Các báo cáo của UBND tỉnh

1. Báo cáo công tác chỉ đạo, điều hành và kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng- an ninh 6 tháng đầu năm 2017, phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2017.

2. Báo cáo về tình hình thu, chi ngân sách địa phương và sử dụng dự phòng ngân sách cấp tỉnh 6 tháng đầu năm 2017.

3. Báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng 6 tháng đầu năm 2017.

4. Báo cáo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm 2017.

5. Báo cáo công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật 6 tháng đầu năm 2017.

6. Báo cáo về kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo 6 tháng đầu năm 2017.

7. Báo cáo kết quả giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri sau Kỳ họp thứ Hai; trước, sau Kỳ họp thứ Ba - HĐND tỉnh Khoá XVII;

8. Báo cáo chuyên đề về kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

9. Báo cáo chuyên đề về kết quả thực hiện các chính sách dân tộc và chính sách người có công trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

II. Các báo cáo của Thường trực HĐND tỉnh:

1. Báo cáo về kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm, phương hướng hoạt động 6 tháng cuối năm 2017 của HĐND tỉnh.

2. Báo cáo tổng hợp các ý kiến, kiến nghị của cử tri sau kỳ họp thứ Tư và trước Kỳ họp thứ Năm, HĐND tỉnh khoá XVII.

3. Báo cáo kết quả giám sát việc giải quyết ý kiến, kiến nghị cử tri gửi đến kỳ họp thứ Hai và Ba, HĐND tỉnh khoá XVII.

III. Báo cáo của cơ quan tư pháp:

1. Báo cáo của Toà án nhân dân tỉnh về kết quả hoạt động của ngành Toà án tỉnh Hà Giang 6 tháng đầu năm, phương hướng hoạt động 6 tháng cuối năm 2017.

2. Báo cáo của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh về kết quả hoạt động của ngành Kiểm sát tỉnh Hà Giang 6 tháng đầu năm, phương hướng hoạt động 6 tháng cuối năm 2017.

3. Báo cáo hoạt động của Cục thi hành án dân sự 6 tháng đầu năm 2017, phương hướng hoạt động 6 tháng cuối năm 2017.

IV. Báo cáo của các Ban HĐND tỉnh:

1. Các báo cáo thẩm tra của các Ban HĐND tỉnh (4 báo cáo).

2. Báo cáo kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm, phương hướng 6 tháng cuối năm 2017 của các Ban HĐND tỉnh (4 báo cáo).

